

Số: 81/NHCS-KHTD

An Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2026

V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ
chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy
thác để thực hiện chính sách tín dụng
ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng
Chính sách xã hội tỉnh An Giang

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường,
Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân: phường Vĩnh Thông, Mỹ Thới, Tô
Châu và đặc khu Phú Quốc.

Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Tờ trình số 525/TTr-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang tại Thông báo số 04/TB-TTHĐND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã xây dựng dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; dự thảo Bản so sánh, thuyết minh; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang và đã đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên trang Website¹ của chi nhánh.

Để đảm bảo kịp tiến độ theo kế hoạch, đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh kính đề nghị các cơ quan, đơn vị:

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu tham gia góp ý kiến vào dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; dự thảo Bản so sánh, thuyết minh; dự thảo Nghị

¹ Website của chi nhánh: <https://nhcsxh.angiang.gov.vn/>

quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang và gửi ý kiến về Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh **chậm nhất trong ngày 22/01/2026**.

Rất mong các cơ quan, đơn vị quan tâm, phối hợp và tham gia ý kiến đảm bảo thời gian yêu cầu./.

(Đính kèm theo: Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình, Bản so sánh, thuyết minh; Quyết định số 2553/QĐ-TTg, Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg)

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD NHCSXH tỉnh;
- Lưu: VT, KHTD.



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: /2026/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương
ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2553/QĐ-TTg ngày 21/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách do Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số .../BC-.... ngày ... tháng năm 2026 của Ban, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn

ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang, nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 1 của Thông tư số 84/2025/TT-BTC, cụ thể: Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; nguồn vốn thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang

a) Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại các phường, đặc khu chưa có công trình nước sạch, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.

b) Các đối tượng chính sách khác được quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Các đối tượng quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với đối tượng quy định tại tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 của Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 2553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Đối với các đối tượng quy định tại tiết b điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp Chính phủ quyết định giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn địa phương theo quy định tại Nghị quyết này sẽ được hỗ trợ giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm và nguồn vốn khác theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang giai đoạn trước được tiếp tục quản lý, sử dụng để cho vay, thu hồi nợ, quay vòng vốn theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa ..., kỳ họp thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- TT HĐND, UBND xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhàn

Số: /TTr-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương
ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Căn cứ pháp lý

Tại khoản 7 Điều 5 của Luật Đầu tư công quy định:

“7. Bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

...

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”

Tại khoản 1, 3, 5 Điều 1 của Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“2. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm (tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, d khoản 8 Điều 5 như sau:

“a) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.”

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

... ”

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang ***là đúng thẩm quyền.***

2. Cơ sở thực tiễn

An Giang đang tích cực triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia, tập trung vào nông nghiệp bền vững (Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao giảm phát thải), chuyển dịch lao động phi nông nghiệp (hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề) và đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính để tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân và xây dựng mô hình tăng trưởng xanh. Các chương trình này đều có nhu cầu vốn tín dụng ưu đãi rất lớn; nhu cầu vay vốn ưu đãi của

hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng yếu thế, thanh niên khởi nghiệp, chương trình nhà ở xã hội, nước sạch vệ sinh môi trường... ngày càng tăng, trong khi nguồn vốn Trung ương cấp thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội còn hạn chế.

Việc ban hành Nghị quyết sẽ giúp tỉnh chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương cấp bổ sung nguồn vốn cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, kịp thời đáp ứng nhu cầu vay vốn của người dân, hộ sản xuất kinh doanh, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động bị ảnh hưởng bởi biến động kinh tế. Chính sách tín dụng thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội là công cụ quan trọng thúc đẩy an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập; học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn yên tâm học tập, cải thiện chất lượng cuộc sống qua chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, chương trình nhà ở xã hội... ổn định tình hình chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Do đó, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

II. Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Cụ thể hóa quy định của Luật đầu tư công về việc sử dụng vốn đầu tư công từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội.

Tạo cơ sở pháp lý cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chủ động bố trí, điều hành và quản lý nguồn vốn ngân sách địa phương cấp bổ sung cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, đảm bảo thống nhất trong thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách địa phương để mở rộng quy mô tín dụng chính sách xã hội, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động, học sinh sinh viên, cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ và các chương trình an sinh xã hội khác. Góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống Nhân dân.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, cụ thể hóa chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia.

Tuân thủ nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn

bản hướng dẫn có liên quan; không chồng chéo với các cơ chế hỗ trợ tài chính khác trên địa bàn.

Phát huy vai trò chủ động của chính quyền địa phương trong việc huy động và sử dụng nguồn lực, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách, gắn kết chặt chẽ với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chí giảm nghèo, việc làm và an sinh xã hội của tỉnh.

Gắn kết tín dụng chính sách xã hội với chuyển đổi sinh kế và phát triển bền vững, ưu tiên lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đào tạo nghề, nhà ở xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xanh.

III. Quá trình xây dựng Nghị quyết

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trình xin chủ trương và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết tại Thông báo số 04/TB-TTHĐND ngày 20 tháng 01 năm 2026.

2. Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Tờ trình số 525/TTr-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang tại Thông báo số 04/TB-TTHĐND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết (dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; dự thảo Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết), đã lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị tại Văn bản số 81/NHCS-KHTD ngày 20 tháng 01 năm 2026; đồng thời, đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Website Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

3. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết (dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình góp ý) kèm theo Văn bản số /NHCS-KHTD ngày ../2026 gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

4. Ngày ../2026, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số /BC-STP....

5. Dự thảo Nghị quyết đã được gửi lấy ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, kết quả nhận được --/-- ý kiến của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; kết quả có --/-- ý kiến thống nhất; dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

IV. Bộ cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang, nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 1 của Thông tư số 84/2025/TT-BTC, cụ thể: Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; nguồn vốn thực hiện.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang

- Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại các phường, đặc khu chưa có công trình nước sạch, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.

- Các đối tượng chính sách khác được quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 07 Điều, nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay.

Điều 3. Xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp.

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện và thời gian trình thông qua Nghị quyết

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

a) Dự kiến nguồn lực:

- Các nội dung tại dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, theo đó không đặt ra các yêu cầu về việc phải bố trí nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện.

- Nguồn lực tài chính để thi hành Nghị quyết sẽ được cân đối từ các nguồn ngân sách cấp tỉnh và nguồn vốn khác theo quy định.

b) Điều kiện đảm bảo thi hành:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Thời gian thông qua: Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 02/2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình góp ý; Quyết định số 2553/QĐ-TTg, Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTĐT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
CHI NHÁNH TỈNH AN GIANG

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Nội dung dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn
ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi
thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang
(Kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị quyết)

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định cơ chế bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang, nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 1 của Thông tư số 84/2025/TT-BTC, cụ thể: Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; nguồn vốn thực hiện.	Tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định: “3. Đối tượng cho vay: Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có)”

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
2. Đối tượng áp dụng 2.1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. 2.2. Các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang a) Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại các phường, đặc khu chưa có công trình nước sạch, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa. b) Các đối tượng chính sách khác được quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. 2.3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Do Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 ngày 7 tháng 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chủ yếu hướng đến nông thôn, làm phát sinh tình trạng người dân ở các địa bàn mới chuyển đổi (từ xã lên phường, hoặc từ xã/phường (cũ) sau hợp nhất lên phường, hoặc từ xã đảo (cũ) sau hợp nhất lên đặc khu) không được hưởng chính sách vay vốn nước sạch/vệ sinh. Vì vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung đối tượng áp dụng theo tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, để mở rộng đối tượng, cho phép người dân tại các phường, đặc khu sau hợp nhất cũng được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách (theo Quyết định 10/2024/QĐ-TTg về Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn) tại địa phương mình, đảm bảo công bằng và hiệu quả.
Điều 2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay 1. Các đối tượng quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội.	Tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
2. Đối với đối tượng quy định tại tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 của Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 2553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội. 3. Đối với các đối tượng quy định tại tiết b điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. 4. Trường hợp Chính phủ quyết định giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn địa phương theo quy định tại Nghị quyết này sẽ được hỗ trợ giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định: <i>“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác như sau:</i> <i>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:</i> <i>“Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương”. ”</i>
Điều 3. Xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.	Tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	trợ chính sách khác quy định: “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác như sau: 5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, d khoản 8 Điều 5 như sau: “a) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội; Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.””

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Điều 4. Nguồn vốn thực hiện Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm và nguồn vốn khác theo quy định.	Tại khoản 7 Điều 5 của Luật Đầu tư công quy định: <i>“7. Bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i> ... <i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”</i> Tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định: <i>“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm</i>

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<i>2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác như sau:</i> <i>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:</i> <i>“2. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm (tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”. ”</i>
Điều 5. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	
Điều 6. Quy định chuyển tiếp Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang giai đoạn trước được tiếp tục quản lý, sử dụng để cho vay, thu hồi nợ, quay vòng vốn theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân	

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
hàng Chính sách xã hội.	
Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa ..., kỳ họp thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.</i>	



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2553 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình
tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của
Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Xét đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Tờ trình số 127/TTr -
HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2025 và văn bản số 9720/NHCS-KHNV ngày 31
tháng 10 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình
tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

1. Lãi suất cho vay hộ nghèo, cho vay học sinh, sinh viên (theo Quyết
định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính
phủ), điều chỉnh giảm từ 6,6%/năm (0,55%/tháng) xuống 6,24%/năm
(0,52%/tháng).

2. Lãi suất cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn,
cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, điều chỉnh
giảm từ 9,0%/năm (0,75%/tháng) xuống 7,8%/năm (0,65%/tháng).

3. Lãi suất cho vay thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông
thôn, điều chỉnh giảm từ 9,0%/năm (0,75%/tháng) xuống 8,4%/năm
(0,70%/tháng).

Điều 2. Mức lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại
Điều 1 Quyết định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đối với
các khoản vay còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP;
- Kiểm toán Nhà nước;
- NHNNVN, Bộ TC;
- NHCSXH;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân,
Trợ lý TTg;
- Lưu: VT, KTTH (2) MCường 



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ để cho vay đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 02 loại công trình, bao gồm:

1. Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.
2. Công trình vệ sinh môi trường hộ gia đình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình là công trình, thiết bị, dụng cụ khai thác, thu, trữ và xử lý nước của hộ gia đình.

3. Công trình vệ sinh môi trường hộ gia đình là công trình vệ sinh hộ gia đình, công trình thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình.

Điều 4. Đối tượng và điều kiện vay vốn

1. Đối tượng vay vốn: Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú (sau đây gọi là khách hàng).

2. Điều kiện vay vốn: Khách hàng cư trú tại địa phương thuộc vùng nông thôn chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hộ gia đình hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.

Điều 5. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 6. Mức vốn cho vay

1. Mức cho vay tối đa là 25 triệu đồng/01 loại công trình/khách hàng.

2. Khách hàng được vay vốn để đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 02 loại công trình nước và vệ sinh môi trường hộ gia đình nhưng tổng dư nợ mỗi loại công trình không vượt quá mức cho vay tối đa của mỗi loại công trình.

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với khách hàng nhưng tối đa là 05 năm (60 tháng).

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay 9,0%/năm.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

Điều 11. Nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động được ngân sách Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

2. Việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, cơ quan liên quan trong việc tổ chức, thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Quyết định này; đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Hằng năm, xem xét bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp ngân sách địa phương hằng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 4 Quyết định này;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên truyền chính sách; tổ chức, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hướng dẫn các nội dung quy định tại Điều 13 Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn vay; giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn, trả nợ của khách hàng đảm bảo vốn vay sử dụng đúng mục đích và hiệu quả theo quy định tại Quyết định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành, báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo Quyết định này;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tuyên truyền chính sách, tổ chức, triển khai theo quy định tại Quyết định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều kiện chuyển tiếp

1. Khách hàng đã ký hợp đồng tín dụng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì các bên tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp khách hàng thuộc đối tượng, đủ điều kiện, có nhu cầu thì tiếp tục được vay vốn với mức vốn cho vay theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

2. Trường hợp khách hàng đã ký hợp đồng tín dụng, tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực không còn thuộc vùng nông thôn theo quy định tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo các cam kết, quyền hạn, trách nhiệm ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 9 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg.

3. Bãi bỏ Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay tín dụng tối đa thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). M. (Quản lý)



Lê Minh Khải